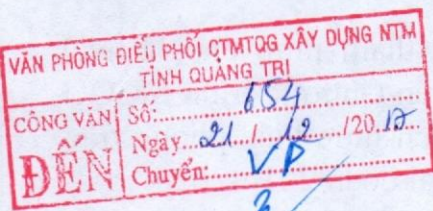


Số: 101 /BC-BCĐ

Hướng Hóa, ngày 19 tháng 12 năm 2017



BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

- Tiếp tục tổ chức, tuyên truyền các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới để cụ thể hóa Nghị quyết của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện đã phối hợp làm việc với Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Long tổ chức lễ đón nhận Bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới giai đoạn 2015-2017 và phát động phong trào “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới”, hiện nay xã đã tổ chức thành công lễ đón nhận vào ngày 19/5.

- Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện đã phối hợp với Chi cục phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị cấp phát 374 quyển sổ tay hướng dẫn thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Qua đó nâng cao năng lực, nhận thức của các cán bộ thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới tại các xã, thôn, bản.

2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

UBND huyện ban hành Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020.

UBND huyện ban hành Quyết định kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới nhằm giúp việc cho Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Hạn chế: Văn phòng Điều phối nông thôn mới được đặt tại phòng Nông nghiệp và PTNT, trong đó thành viên là các chuyên viên của các phòng, ban nên trong công tác quá trình trao đổi thông tin còn lỏng lẻo, chưa có sự phối hợp nhiều trong công việc, hiệu quả hoạt động của Văn phòng điều phối chưa cao.

3. Ban hành các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện

- Ban Chỉ đạo nông thôn mới huyện đã ban hành chương trình công tác trọng tâm năm 2017.

- Đã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cho các phòng ban phụ trách từng chỉ tiêu cụ thể.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện đã tham mưu cho UBND huyện ra Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch thực hiện phong trào thi đua "Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016-2020.

- Tham mưu cho UBND huyện ban hành Quyết định quy định mức về hỗ trợ lãi suất đối với một số sản phẩm đặc sản địa phương.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình

- Phối hợp với Chi cục PTNT tổ chức tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cấp xã (01 lớp với 60 học viên tham gia) và cấp thôn, bản (01 lớp với 50 học viên tham gia).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

- Hiện nay các xã đang triển khai công tác kiểm tra, rà soát quy hoạch của xã để phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch nông thôn mới còn gặp một số khó khăn như: Nhu cầu vốn để thực hiện các nội dung quy hoạch nông thôn mới khá lớn so với khả năng đầu tư của Ngân sách cũng như nguồn nội lực huy động tại chỗ trong nhân dân.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

***Tổng nguồn vốn trực tiếp đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội là 22.965 triệu đồng, trong đó bao gồm 02 nguồn:**

- Nguồn đầu tư phát triển NSTW: 19.740 triệu đồng

- Nguồn Trái phiếu chính phủ: 3224,735 triệu đồng

Trong đó:

+ Xây dựng giao thông nông thôn chiếm: 91,4% (21.001,35 tr.đ)

+ Trường học: 3,5% (802,795 tr.đ)

+ CSVN Văn hóa: 2,45% (326,2 tr.đ)

+ Trạm y tế: 300 tr

+ Trụ sở: 534,793 tr.đ

+ Công trình khác: 2,7%

***Nguồn vốn lồng ghép:** Chủ yếu là Chương trình giảm nghèo bền vững:
Tổng nguồn vốn là: 19.402 triệu đồng, trong đó:

+ Xây dựng giao thông nông thôn: 11.829 triệu đồng (chiếm 60,97%)

+ Thủy lợi nội đồng: 900 triệu đồng (chiếm 4,6%)

+ Trường học: 4.508 (chiếm 23,23%)

- + CSVC văn hóa: 965 (4,9%)
- + Công trình nước sạch: 200 triệu đồng (chiếm 1,03%)
- + Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư: 1000 triệu đồng (5,2%).

***Nguồn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện):** 13.539,994 triệu đồng
(Không tính 603 triệu cấp bù lãi suất).

- + Giao thông nông thôn: 1000 triệu đồng (chiếm 7,38%)
- + Thủy lợi nội đồng: 3.334,26 triệu đồng (chiếm 24,6%)
- + Trường học: 7.021 triệu đồng (chiếm 51,8%)
- + CSVC văn hóa thôn, bản: 300 triệu đồng (chiếm 2,2%)
- + Trạm y tế xã: 1.800 triệu đồng (chiếm 13,2%)
- + Khác (trụ sở): 84,734 triệu đồng (chiếm 0,63%)

c) Việc áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù trong xây dựng nông thôn mới

- Các công trình đều áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù theo Quyết định 2043/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2017 thực Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị định 161/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ)

d) Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, những tiêu chí đạt thấp và nguyên nhân.

Các tiêu chí đạt thấp: Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, nhà ở dân cư....nguyên nhân do huyện miền núi có điểm xuất phát thấp, trong khi nhu cầu về đầu tư cơ sở hạ tầng lớn hơn nhiều so với khu vực đồng bằng, ngân sách địa phương và đóng góp của nhân dân thì không đáng kể, chủ yếu nhờ vào nguồn ngân sách trung ương.

3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

- Để thực hiện thành công tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định của UBND tỉnh, Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện xây dựng một số đề án, phương án, kế hoạch nhằm ban hành một số chính sách để tạo động lực cho tái cơ cấu phát triển sản xuất nông nghiệp, cụ thể:

+ Đề án chuyển đổi đất trồng sản bạc màu, kém hiệu quả sang trồng cây trồng khác giai đoạn 2017 - 2020.

+ Kế hoạch chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng ngô trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2019 theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị.

+ Phương án chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng ngô vụ Đông Xuân 2016-2017, vụ Hè Thu năm 2017: Phòng Nông nghiệp và PTNT cũng đã cấp phát giống ngô chuyển đổi vụ Hè Thu ứng phó với khô hạn cho các xã (A Xing, Tân Liên, A Dơi, A Túc, Hướng Linh, Húc, Hướng Tân, thị trấn Khe Sanh) với 1.794 kg, nguồn vốn 134,550 triệu đồng.

+ Kế hoạch tái canh và phát triển bền vững cây cà phê chè giai đoạn 2017 - 2020. UBND huyện phân bổ 300 triệu đồng nguồn sự nghiệp kinh tế nông nghiệp hỗ trợ giống cây cà phê thực hiện chương trình tái canh với diện tích 137 ha và tập huấn kỹ thuật tái canh cà phê cho người dân. Ngoài ra, từ nguồn vốn của Chương trình Hạnh phúc Quảng Trị, Hội cà phê Khe Sanh hỗ trợ người dân trồng cà phê vay vốn lãi suất 2%/3 năm để mua phân bón chăm sóc cà phê kinh doanh với số tiền 347 triệu đồng, góp phần tăng năng suất, giảm chi phí đầu tư cho các hộ trồng cà phê ở xã Hướng Phùng.

- Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với Trạm Trồng trọt và BTVT, Dự án sinh kế (EMEE) xây dựng mô hình trồng gừng, các công ty ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm gừng của người dân 06 xã vùng dự án.

- Thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn như trồng cây sachi, trồng măng tây, trồng cây mắc ca...

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội:

- Kết quả thực hiện các mục tiêu giảm nghèo.

Sau 01 năm tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; huyện đã thực hiện đồng bộ và lồng ghép có hiệu quả các giải pháp, tạo thêm nhiều việc làm mới, tỷ lệ thất nghiệp giảm, tỷ lệ người có việc làm tăng, đời sống của nhân dân được cải thiện đáng kể, bộ mặt nông thôn và miền núi được khởi sắc, khoảng cách giàu nghèo được thu hẹp dần, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện đã giảm từ 31,17% đầu năm 2017, xuống còn 28,36% vào cuối năm 2017, giảm 2,8%, đạt 100% so với Nghị quyết Huyện ủy và HĐND huyện đề ra.

- Kết quả thực hiện các Chương trình an sinh xã hội.

+ Chính sách về dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo:

Đã tổ chức 11 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn; trong đó có 03 lớp phi nông nghiệp (làm chổi đót của hội người mù, 01 lớp xây dựng, 01 lớp mem rượu); 08 lớp nông nghiệp, tổng kinh phí 480 triệu đồng nhằm tạo cơ hội cho lao động thuộc hộ nghèo tìm được một công việc phù hợp với khả năng, năng lực của bản thân để có công ăn việc làm ổn định.

Đã phối hợp Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh làm tốt công tác tuyên truyền, tư vấn, về lao động việc làm, nên năm 2017 đã có 30 trường hợp đi xuất khẩu lao động tại thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và Malaysia

+ Chính sách hỗ trợ về giáo dục:

Hoàn thành việc thụ lý hồ sơ chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ năm 2017 cho 585 học sinh, số tiền 5.521,87 triệu đồng, tiền ăn trưa cho 4.530 trẻ từ 3-4 tuổi, kinh phí 4.590,52 triệu đồng; tiền ăn trưa cho 2.245 trẻ 05 tuổi, kinh phí 2.093,88 triệu đồng; hỗ trợ kinh phí học tập theo nghị định 86/2015/NĐ-CP cho 10.154 học sinh, số tiền 8.999,2 triệu đồng, học bổng và đồ dùng học tập cho 86 trẻ khuyết tật, số tiền 795,52 triệu đồng. Chính sách hỗ trợ về giáo dục - đào tạo trong thời gian qua đã giúp cho học sinh, sinh viên con hộ nghèo, hộ cận nghèo đến trường đông đủ, yên tâm học tập, tỷ lệ bỏ học giảm,

nhiều em đã cố gắng vươn lên đạt được thành tích cao trong học tập, đặc biệt là học sinh người dân tộc thiểu số, góp một phần lớn vào việc nâng cao chất lượng dạy và học.

+ Chính sách hỗ trợ về y tế:

Năm 2017 toàn huyện 33.847 khẩu nghèo được cấp bảo hiểm y tế, đạt 100%; Đã hỗ trợ mua BHYT cho 57.290 thẻ, tổng số tiền là 37,433 tỉ đồng; trong đó: Dân tộc thiểu số: 34.224 thẻ, người nghèo: 3.252 thẻ, cận nghèo 705: 974 thẻ, cận nghèo 797: 1.425 thẻ; bảo trợ xã hội: 1.074 thẻ; trẻ em dưới 6 tuổi: 12.263 thẻ; người sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn: 2.192 thẻ, có công và thân nhân NCC: 1.886 thẻ.

Nhìn chung, công tác cấp phát thẻ BHYT cho người nghèo, người thuộc diện hộ cận nghèo trên địa bàn đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời, nên đã tạo điều kiện cho người nghèo, cận nghèo khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe được tốt hơn, xoá bỏ những hủ tục lạc hậu trong quan niệm và biện pháp chữa bệnh, nâng cao sức khoẻ nhân dân, tạo sự bình đẳng trong xã hội. Toàn huyện có 19/20 xã đạt chuẩn về y tế, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 91,7%.

+ Chính sách hỗ trợ nhà ở:

Tiếp tục thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định 48/2014/QĐ-TTg cho 129/129 hộ nghèo, kinh phí 2.020 triệu đồng. Tính đến nay đã hoàn thành đưa vào sử dụng 129 nhà.

+ Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo:

Kiện toàn các tổ hòa giải ở cơ sở; đã kịp thời hòa giải thành nhiều vụ việc phức tạp, nên không có tình trạng đơn thư, khiếu nại vượt cấp. Trong năm 2017 đã hòa giải 165 vụ, tổ chức hòa giải thành 129 vụ, hướng dẫn các Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý tại các xã, thị trấn tiếp tục duy trì sinh hoạt nhằm góp phần nâng cao kiến thức pháp luật cho người dân trong cộng đồng dân cư;

Tổ chức được 11 đợt trợ giúp pháp lý lưu động về tận các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, với hơn 400 người tham gia là người dân tộc thiểu số và gia đình hộ nghèo. Tổ chức tư vấn cho gần 300 lượt người có vướng mắc về pháp luật (như phát luật đất đai, chế độ bảo trợ xã hội, hôn nhân và gia đình, các chính sách ưu đãi khác đối với người dân tộc thiểu số và gia đình hộ nghèo).

Duy trì chế độ sinh hoạt định kỳ của 18 câu lạc bộ trợ giúp pháp lý; tổ chức tuyên truyền kịp thời 77 đợt phổ biến giáo dục pháp luật, với 6234 lượt người tham dự về các Luật, pháp lệnh, Nghị định mới ban hành và các văn bản pháp luật liên quan thiết thực đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội ở địa phương cho nhân dân trên địa bàn, nên đã góp phần tích cực trong việc nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân nói chung và người nghèo nói riêng, đưa chủ trương, chính sách giảm nghèo, công bằng xã hội đi vào cuộc sống.

+ Kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội khác:

- Hoàn thành việc cấp phát 605,645 tấn gạo hỗ trợ cho nhân dân trong dịp Nguyên đán, giáp hạt và bão lụt

- Hoàn chỉnh hồ sơ và đã có Quyết định hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên thêm 564 đối tượng bảo trợ xã hội, nâng tổng số đối tượng đang hưởng hàng tháng lên 3.115 đối tượng.

- Hoàn thành việc kế hoạch phân bổ tiền điện hộ nghèo cho các xã, thị trấn, với tổng số tiền cần hỗ trợ năm 2017 là 3.422,952 triệu đồng theo quyết định số 2409/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ

- Những khó khăn, vướng mắc

Đối tượng hộ nghèo thiếu hụt có nhà ở tạm bợ trên địa bàn, phần lớn là đồng bào dân tộc thiểu số, mức thu nhập thấp, khả năng huy động thêm hầu như không có, trong khi đó vốn Trung ương hỗ trợ và vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội thấp, do đó rất khó để vận động các hộ gia đình triển khai xây dựng, hoàn thiện nhà ở.

5. Phát triển giáo dục ở nông thôn

Quy mô trường lớp, học sinh phát triển ổn định. Tiếp tục duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, phổ cập giáo dục THCS (riêng xã Hướng Linh không đạt), thực hiện phổ cập giáo dục bậc Trung học.

Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, nền nếp kỷ cương dạy và học được giữ vững, môi trường giáo dục thân thiện ngày càng phát huy tác dụng, học sinh tích cực, tự giác trong học tập và rèn luyện. Huy động học sinh trong độ tuổi đến trường được duy trì với tỷ lệ cao, mẫu giáo 5 tuổi đạt tỷ lệ 99,9%, tiểu học đạt tỷ lệ 99,07%, THCS đạt tỷ lệ 90,12%.

Thực hiện tốt việc rà soát, quy hoạch và sắp xếp bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hiện có.

* Những khó khăn, tồn tại trong quá trình thực hiện:

- Mặc dù đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục và xóa mù chữ nhưng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; đồ dùng, đồ chơi; phòng học; phòng chức năng; nhà hiệu bộ vẫn còn thiếu; các trường như Trường MN Thuận, Ba Tầng vẫn học nhờ nhà dân hoặc nhà cộng đồng. Tỷ lệ giáo viên trên lớp vẫn ở mức tối thiểu.

- Do hoàn cảnh gia đình, giao thông đi lại khó khăn, ý thức học tập của học sinh nên đa số các em học sinh bỏ học đều thuộc độ tuổi lao động (14 đến 18 tuổi) nên tỷ lệ đạt chuẩn không cao, thiếu bền vững dẫn đến không đạt chuẩn phổ cập GDTHCS như tại xã Hướng Linh.

6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

Công tác khám chữa bệnh cho người dân và phòng chống dịch bệnh được thực hiện tốt. Tiếp tục duy trì công tác tiêm chủng thường xuyên các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng tại các xã, thị trấn. Công tác kiểm tra VSATTP được tăng cường, tổ chức 02 đợt kiểm tra liên ngành, 02 đợt giám sát chuyên ngành và 08 đợt kiểm tra chuyên ngành. Tính đến năm 2017, toàn huyện có 21/22 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (A Dơi không đạt), tăng 03 xã so với năm 2016.

7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn.

Được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp và bằng nhiều nguồn kinh phí đầu tư, hoạt động đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa phục vụ nhân dân ngày càng được nâng cao, mang lại lợi ích thiết thực phục vụ trực tiếp cho người dân, đặc biệt các thiết chế văn hóa cơ sở như nhà văn hóa, nhà học tập cộng đồng, đài truyền thanh, hệ thống loa phát thanh, truyền hình, bưu điện văn hóa, sân thể thao... Đến nay đời sống văn hóa tinh thần ở những vùng sâu vùng xa, vùng biên giới ngày càng được cải thiện. Các phong trào, các thiết chế văn hóa thực sự đi vào cuộc sống, tác động mạnh mẽ đến nhận thức của cán bộ và nhân dân trên toàn huyện, khơi dậy và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, tạo môi trường văn hóa lành mạnh cho mỗi cá nhân, gia đình và cả cộng đồng xã hội. Hiện nay có 122/174 thôn có nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng.

Trên cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” gắn với xây dựng xã nông thôn mới đã động viên, khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, chung sức xây dựng nông thôn mới trong nhân dân. Phong trào xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa ngày càng phát triển sâu rộng. Toàn huyện có 100% làng phát động xây dựng làng văn hóa, 7/20 xã phát động xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” và có trên 85% gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa.

- Những khó khăn, vướng mắc:

Trong các tiêu chí thuộc lĩnh vực văn hóa, tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa là một trong những tiêu chí khó thực hiện, nguồn vốn từ các chương trình dự án không đảm bảo để triển khai. Hoạt động của các bưu điện văn hóa ở xã kèm hiệu quả, việc bố trí nhân sự tại các điểm bưu điện còn nhiều bất cập.

8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các xã.

- Phong trào chỉnh trang nông thôn, vệ sinh nông thôn, hưởng ứng các đợt phát động “Tuần lễ chỉnh trang nông thôn mới” đường làng, ngõ xóm được duy trì đều đặn, thường xuyên.

- + Tỷ lệ số dân sử dụng nước hợp vệ sinh: 73%
- + Tỷ lệ số dân sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn quốc gia: 42,17%
- + Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt chuẩn về môi trường: 61,3%
- + Tỷ lệ chuồng trại hợp vệ sinh: 51,13%
- + Tỷ lệ hộ đã thực hiện cải tạo vườn: 49,18%

- Trên địa bàn hiện nay hầu hết các xã đã thực hiện công tác quy hoạch nghĩa trang và quản lý nghĩa trang theo quy hoạch, trong đó các xã vùng bản nghĩa trang được quy hoạch theo phong tục tập quán lâu đời.

+ Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tắm, nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn theo quy định: 30,26%.

+ Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt nông thôn: 28,45%

Ngoài các xã đường 9 (Tân Hợp, Tân Liên, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành) được Trung tâm Môi trường đô thị thu gom với tỷ lệ thu gom đạt 96%. Xã Hướng Phùng, rác thải sinh hoạt tại khu vực trung tâm được thu gom, xử lý và đang tiến hành lập đội thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt trong xã. Đối với chất thải rắn được thu gom và xử lý theo phương pháp san ủi, chôn lấp đơn thuần.

9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

9.1. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cán bộ, công chức xã

Nhằm từng bước trang bị, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác cho đội ngũ CBCC cơ sở, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cho đội ngũ cán bộ công chức, đảm bảo về chất lượng và hiệu quả trong thực thi công vụ. UBND huyện xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm và giai đoạn 5 năm; trong năm 2017 Phòng Nội vụ đã chủ trì mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại huyện cho CBCC cấp xã với các lớp sau:

Lớp bồi dưỡng Kỹ năng quản lý, điều hành cho 100 cán bộ, công chức cấp xã tham dự; Lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức cấp xã với 54 người tham gia. Ngoài ra UBND huyện quyết định cử 40 cán bộ, công chức trẻ cấp xã tham gia lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước giai đoạn 2014 – 2020. Lớp đào tạo tiếng Lào: Số lượng 50 người.

Ngoài ra một số cán bộ, công chức các xã đang tự túc tham gia các lớp học tại chức, từ xa ở các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh.

9.2. Kết quả cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công.

+ Cải cách thể chế:

Trong năm 2017 UBND huyện đã thẩm định về mặt pháp lý 43 văn bản do các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn soạn thảo, trong đó: có 11 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và 32 dự thảo văn bản có chứa quy phạm pháp luật. Qua thẩm định, huyện đã kịp thời chỉnh lý, sửa đổi đảm bảo tính pháp lý về thẩm quyền, nội dung, hình thức của văn bản trước khi ban hành.

Trong năm 2017, UBND huyện đã tiếp nhận 12 văn bản quy phạm pháp luật của 05 xã, thị trấn gồm: Khe Sanh, Tân Long, Tân Lập, Ba Tầng, Hướng Linh gửi đến đề nghị kiểm tra theo thẩm quyền. Qua kiểm tra, huyện đã có kết luận kiểm tra văn bản gửi HĐND và UBND các xã, thị trấn đề nghị chỉnh sửa văn bản đảm bảo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

Ban hành Quyết định về việc Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện và gửi Sở Tư pháp kiểm tra theo thẩm quyền đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

+ Cải cách thủ tục hành chính:

- Trong năm 2017, tình hình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên địa bàn huyện đã được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục, thời gian và thẩm quyền quy

định; cán bộ, công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa cũng như các bộ phận liên quan có tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ tốt, hòa nhã, vui vẻ khi giải quyết thủ tục hành chính.

- Thường xuyên cập nhật thủ tục hành chính trên cổng thông tin của Chính phủ, của ngành và địa phương để tổ chức, thực hiện đúng quy định của pháp luật về quy trình, thủ tục hành chính.

- UBND Huyện đã công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên trang thông tin điện tử của huyện, đồng thời niêm yết, công khai tại trụ sở cơ quan và bộ phận một cửa Văn phòng UBND huyện gồm 24 thủ tục hành chính. Việc công khai niêm yết thủ tục hành chính tại trụ sở làm việc và Bộ phận một cửa là hình thức có hiệu quả nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiện nghiên cứu, dễ dàng tiếp cận thực hiện.

- Phần lớn các phòng ban chuyên môn và UBND các xã, thị trấn đều có bảng niêm yết công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, cập nhật kịp thời danh sách thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, đường dây nóng, mức thu phí, lệ phí theo quy định của UBND tỉnh.

- UBND huyện tiếp tục thực hiện công tác tiếp nhận và trả kết quả đúng theo quy định; kiện toàn đầy đủ thành viên của tổ tiếp nhận và trả kết quả, cấp đầy đủ phụ cấp theo quy định của UBND tỉnh. Phần lớn các xã, thị trấn thực hiện đầy đủ việc mở sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả, ghi chép các thông tin, ghi phiếu hẹn hồ sơ; bố trí được phòng tiếp nhận và trả kết quả, chỗ tiếp công dân, các thủ tục hành chính được niêm yết công khai, rõ ràng và minh bạch theo quy định.

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính ngày càng đi vào nề nếp, thường xuyên công khai và cập nhật đúng, đầy đủ, kịp thời thủ tục hành chính đang có hiệu lực.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính được tổ chức thực hiện hiệu quả, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực; đồng thời tổ chức thực hiện tốt chỉ đạo của UBND tỉnh về thực hiện công tác thống kê, công bố, cập nhật thủ tục hành chính.

+ Hiện đại hóa nền hành chính:

- Nhờ ứng dụng rộng rãi hệ thống công nghệ thông tin, triển khai áp dụng chính thức phần mềm hỗ trợ cải cách hành chính tại bộ phận một cửa của huyện vào công việc từ đó đổi mới phương thức chỉ đạo điều hành, nâng cao chất lượng hội họp, giảm giấy tờ hành chính, rút ngắn thời gian nhận văn bản và giải quyết công việc, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng công sở văn minh, hiện đại.

- Các cơ quan, đơn vị cấp huyện và các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện việc rà soát các quy trình, thủ tục hành chính đã số hóa và có kế hoạch rà soát, xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính chưa được số hóa tại các đơn vị để bổ sung các thủ tục hành chính mới, cung cấp cho viễn thông Quảng Trị để cập nhật lên phần mềm.

- Việc triển khai thực hiện “Một cửa điện tử” cho các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn đã công khai minh bạch hóa các thủ tục hành chính, giám sát đội ngũ cán bộ, công chức giải quyết hồ sơ, hạn chế phiền hà, tiêu cực xảy ra, góp phần cải cách hành chính đạt hiệu quả cao.

* Những tồn tại, hạn chế:

- Đối với công tác đào tạo.

+ Là địa bàn huyện miền núi, vùng sâu, giao thông đi lại khó khăn, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống của đồng bào các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, trình độ mặt bằng dân trí còn thấp, chênh lệch về trình độ chuyên môn của cán bộ người đồng bào DTTS và người Kinh khá lớn, nên rất khó khăn trong việc mở lớp đào tạo, bồi dưỡng chung.

+ Ngân sách phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở còn hạn chế, chính sách hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng còn ít so với nhu cầu thực tế.

+ Một số chương trình đào tạo, bồi dưỡng còn nặng về lý luận, dàn trải, thiếu sự liên thông, kế thừa, trùng lặp về nội dung, thiếu tính thiết thực, chưa đi sâu vào rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho cán bộ, công chức. Do vậy, mặc dù đã được đào tạo, bồi dưỡng, một số cán bộ, công chức còn lúng túng trong việc thực hiện nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành, giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- Đối với công tác cải cách hành chính.

+ Thủ tục hành chính là vấn đề rộng lớn, phức tạp liên quan đến nhiều đối tượng trong xã hội và gắn liền với thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền. Trong không ít trường hợp, thực hiện cải cách thủ tục hành chính là tự cắt bỏ quyền và lợi ích do thủ tục hành chính hiện hành mang lại ảnh hưởng đến quá trình thực hiện cải cách hành chính.

+ Một số địa phương, đơn vị chưa kiên quyết, nhất quán tổ chức thực hiện cải cách thủ tục hành chính, chưa thấy được hết ý nghĩa, tầm quan trọng và đòi hỏi cấp bách của việc tháo gỡ những cản trở, vướng mắc cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về thủ tục hành chính để phát huy mạnh mẽ tiềm năng sức mạnh vật chất, tinh thần của người dân cho mục tiêu phát triển. Chính vì vậy mà chưa tập trung chỉ đạo quyết liệt và dành ưu tiên các nguồn lực cho công tác này.

+ Các thủ tục hành chính hiện nay còn được thực hiện cắt khúc, thiếu tính liên thông và phối hợp trong thực hiện thủ tục hành chính. Khi có nhu cầu cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp còn phải đến nhiều cơ quan, nhiều đầu mối để thực hiện thủ tục hành chính.

+ Chưa có một cơ chế pháp lý đủ mạnh để ràng buộc trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc tiếp nhận, xử lý nhanh chóng, kịp thời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính không còn phù hợp.

9.3. Kết quả đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

- Phòng Tư pháp huyện đã chỉ đạo hướng dẫn trực tiếp cho UBND xã Tân Lập về tổ chức thực hiện, quy định thiết lập hồ sơ, quy trình đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đến nay xã đã hoàn thiện hồ sơ trình phòng Tư pháp huyện thẩm tra, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2017 đồng thời xây dựng kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật và xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từng năm cả giai đoạn 2017-2020 và lộ trình thực hiện gắn với xây dựng nông thôn mới ở các xã.

- Một số khó khăn vướng mắc:

- Do thời gian triển khai thực hiện ngắn, một số cán bộ, công chức chưa được tập huấn nên chưa hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Một số cán bộ lãnh đạo xã chưa thực sự nghiên cứu đầy đủ các văn bản quy định về việc triển khai thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

9.4. Kết quả thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”.

Nhìn chung, các cấp Hội đã tích cực, chủ động, sáng tạo để triển khai, tuyên truyền cuộc vận động gắn xây dựng nông thôn mới đến cán bộ, hội viên, phụ nữ; giúp chị em phụ nữ; nội dung cuộc vận động thiết thực, cụ thể đến đời sống phụ nữ, nhận thức của hội viên, phụ nữ được nâng lên, có ý thức tự giác chấp hành pháp luật, tích cực vận động, tác động các thành viên trong gia đình gương mẫu thực hiện; hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ phụ nữ vươn lên phát triển kinh tế gia đình và hạn chế việc vi phạm pháp luật. Hình thức triển khai cuộc vận động có sáng tạo, đổi mới, phù hợp với nhận thức của hội viên, phụ nữ. Cuộc vận động đã tạo nên kênh tuyên truyền trực tiếp tại cơ sở có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục tổ chức cho chị em học tập 8 tiêu chí thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”. Phối hợp với các ngành triển khai thực hiện có hiệu quả cuộc vận động, rà soát các hộ chưa đạt “gia đình 5 không, 3 sạch” để có kế hoạch giúp đỡ cụ thể. Đến cuối năm 2017 toàn huyện có **7207/10542** hộ đạt 8 tiêu chí gia đình 5 không, 3 sạch. trong đó các xã đạt 8 tiêu chí với số lượng cao như Hội LHPN Tân Liên, Tân Lập, Tân Thành...

Hội LHPN huyện đã chỉ đạo Hội LHPN xã Tân Long xây dựng mô hình điểm chi hội phụ nữ hạn chế sử dụng túi ni long; Hội LHPN xã Tân Liên xây dựng CLB tiết kiệm ve chai ủng hộ phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Ra mắt mô hình xử lý rác thải tại chi hội Phụ nữ bản Giai, bản 5 xã Thuận có 65 thành viên tham gia, CLB thu gom rác thải tại thôn Cu Rông, A Tông xã A Xing có 60 thành viên tham gia. Tại Hội LHPN xã Hướng Linh ra mắt 3 sạch có 42 chị em tham gia.

Công tác vệ sinh môi trường ngày càng được người dân đặc biệt quan tâm, các tổ thu gom rác thải trên địa bàn toàn huyện hoạt động có hiệu quả. Hội LHPN huyện chỉ đạo Hội LHPN cơ sở xã, các chi hội phụ nữ tiếp tục vận động hội viên, phụ nữ thu gom và phân loại rác thải tại hộ gia đình để nơi quy định trung chuyển về bãi rác của huyện để xử lý, thu gom và xử lý rác thải đường làng ngõ xóm tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

*** Những khó khăn vướng mắc.**

Tiêu chí của cuộc vận động liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhưng nguồn lực thực hiện còn khó khăn; chủ yếu thực hiện lồng ghép nên hiệu quả chưa cao. Công tác tuyên truyền còn đơn điệu, chưa thường xuyên. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn hộ gia đình hội viên đăng ký, thực hiện và bình xét còn lúng túng. Tài liệu còn hạn chế. Chưa có kinh phí hỗ trợ ở cơ sở.

- Ở một số hội còn khó khăn trong thực hiện mục tiêu 5 không 3 sạch do một số nguyên nhân khách quan.

10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

10.1. Kết quả thực hiện đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn.

Tình hình an ninh chính trị tiếp tục ổn định và giữ vững, các địa phương và lực lượng chức năng thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, an ninh trên tuyến biên giới, trong dân tộc, tôn giáo được duy trì. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Phạm pháp hình sự xảy ra: 47 vụ (94 đối tượng), trong đó án điều tra làm rõ 41 vụ, đạt 87%, triệt phá 05 nhóm (16 đối tượng phạm tội).

- Triệt phá 02 điểm sử dụng ma túy, bắt 02 vụ gồm 04 đối tượng mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, thu giữ 330 viên ma túy tổng hợp.

- Phát hiện, bắt giữ 40 vụ buôn lậu gồm 29 đối tượng buôn lậu, thu giữ hàng hóa trên 1,3 tỷ đồng.

- Phát hiện 05 vụ gồm 17 đối tượng có hành vi đánh bạc, tang trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy...

10.2. Kết quả thực hiện xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia.

+ Công tác sẵn sàng chiến đấu: Xây dựng triển khai chỉ thị, kế hoạch và tổ chức trực sẵn sàng chiến đấu, trực Phòng không, trực phòng chống lụt bão, trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vào các ngày lễ tết trong năm 2017. Phối hợp các lực lượng nắm chắc tình hình địa bàn, xử lý kịp thời, không để bị động bất ngờ xảy ra.

+ Công tác huấn luyện các đối tượng: Làm công tác chuẩn bị và thực hành huấn luyện, luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu theo đúng kế hoạch của Bộ CHQS tỉnh, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người và vũ khí trang bị được Bộ CHQS tỉnh đánh giá cao. Tổ chức huấn luyện cho sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp và chiến sỹ cơ quan theo đúng chương trình, kế hoạch, kết quả kiểm tra 100% đạt yêu cầu, có 82% khá, giỏi.

- Tổ chức huấn luyện lực lượng Tự vệ khối cơ quan đúng đủ nội dung, thời gian theo chương trình, quân số: 125/135 đồng chí (93%), kết quả kiểm tra 77,6% khá, giỏi. Bảo đảm an toàn tuyệt đối về người, vũ khí thiết bị và an toàn giao thông.

- Chỉ đạo và hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức huấn luyện lực lượng Dân quân năm thứ nhất theo Thông tư 02/TT-BQP của Bộ Quốc phòng, huấn luyện lực lượng DQCD của huyện, chỉ đạo huấn luyện dân quân cơ động các xã, thị trấn. xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện lực lượng Dân quân bình chủng bảo đảm đúng nội dung, chương trình và thời gian quy định.

+ Công tác xây dựng lực lượng, động viên tuyển quân

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ huyện 1.843 đồng chí, đạt tỷ lệ 2% tổng dân số. Huyện xây dựng 1bDQCD: 31 đồng chí; các xã, thị trấn có 1bDQCD, lực lượng tại chỗ biên chế 192 tổ, 21 tiểu đội và 1 trung đội; lực lượng binh chủng chiến đấu biên chế 4 Trung đội, quân số: 78 đ/c lực lượng bảo đảm chiến đấu biên chế 55 tổ theo đúng hướng dẫn của trên. Toàn huyện có 21 đơn vị Tự vệ của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn.

- Lực lượng DBĐV hạng 1 toàn huyện 1.169 đ/c (SQ: 73, HSQ: 1096), biên chế Bộ Chỉ huy Biên Phòng 217 đ/c, 02 Tiểu đoàn huyện và các trung đội trực thuộc, trong đó có 1 đại đội theo Nghị định 25/CP được trang bị đầy đủ theo chức năng nhiệm vụ.

- Tổ chức đăng ký công dân trong độ tuổi 17: 610 công dân, đạt 0,7% so với dân số, phúc tra độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ 18-25, đạt 2%. Tiến hành phúc tra quân dự bị động viên 107 đ/c thuộc cBB2/dBB1 phục vụ huấn luyện theo đúng kế hoạch, thời gian quy định đạt chất lượng tốt.

+ Công tác dân quân tự vệ:

- Tham mưu UBND huyện báo cáo tổng kết 08 năm thực hiện luật Dân quân tự vệ năm 2009 gửi về Bộ CHQS tỉnh đúng theo hướng dẫn, đồng thời tổ chức xây dựng kế hoạch sử dụng lực lượng dân quân tự vệ giai đoạn 2016-2021 theo hướng dẫn của Thông tư 33/2016/TT-BQP ngày 29/3/2016 của Bộ Quốc phòng về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

- Chỉ đạo dân quân các xã phối hợp với lực lượng Biên phòng tuần tra trên tuyến biên giới với nước bạn Lào và thực hiện các nhiệm vụ khác theo kế hoạch đã xác định.

- Tham mưu, chỉ đạo 13 xã, thị trấn biên giới (*làm điểm*) mua sắm công cụ hỗ trợ theo Thông tư 65/2016/TT-BQP; hướng dẫn xây dựng kế hoạch theo Thông tư 108/2016/TT-BQP.

*** Những khó khăn vướng mắc**

- Trình độ, năng lực chuyên môn của một số cán bộ chỉ huy trưởng Ban CHQS xã hạn chế; kết quả thực hiện nhiệm vụ QP-QSDP một số nội dung chất lượng thấp.

- Khu vực đất luyện tập, diễn tập hàng năm; đất thao trường huấn luyện, trường bắn của huyện đã được cấp sổ đỏ nhưng chưa có kinh phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình chiến đấu theo quy định.

11. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

a) Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình, phân theo các nguồn: (có biểu đính kèm)

- Vốn đầu tư phát triển: 19.740 triệu đồng
- Vốn vốn sự nghiệp: 2.891 triệu đồng
- Vốn trái phiếu chính phủ: 3.224 triệu đồng
- Vốn lồng ghép từ chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 25.194 triệu đồng

- Vốn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện): 14.143 triệu đồng

c) Kết quả thực hiện các nguồn vốn

(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 07 kèm theo)

d) Kết quả thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù.

Năm 2017, các công trình xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đều áp dụng cơ chế đặc thù (theo Quyết định 2043/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2017 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị định 161/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ)

e) Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản: (Có bảng báo cáo cụ thể sau)

7. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM (Có biểu đính kèm)

Năm nay một số tiêu chí có sự thay đổi cụ thể: Tiêu chí số 6 xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em theo quy định, Tiêu chí số 8 thông tin và truyền thông, thêm một chỉ tiêu có đài truyền thanh và hệ thống loa đến tận thôn. Tiêu chí số 13 có HTX hoạt động theo luật HTX, Tiêu số 18 thêm chỉ tiêu xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật...nên một số xã năm 2016 đạt các tiêu chí trên nhưng năm nay không đạt. Tuy nhiên tổng số tiêu chí toàn huyện năm nay là 221/20 xã, bình quân 11,05 tiêu chí/xã, cao hơn năm 2016. Đặc biệt có xã Tân Thành, Tân Lập đạt mới nhiều tiêu chí nhất. Dự kiến cuối năm 2017, xã Tân Lập đạt tiêu chí số 13 và làm thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017. Hiện tại xã Tân Thành đạt 15/19 tiêu chí và đã đăng ký với Văn phòng điều phối nông thôn tỉnh phấn đấu xã đạt chuẩn năm 2018.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

- Tập trung công tác tuyên truyền nên cán bộ và nhân dân ngày càng nhận thức được mục đích, ý nghĩa, nội dung của chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới được phát huy, thể hiện được sự đồng tình hưởng ứng cao trong các hoạt động xây dựng nông thôn mới như hiến đất, hiến công, tự nguyện giải phóng mặt bằng đóng góp xây dựng giao thông và các công trình phúc lợi khác. Đồng thời tổ chức các hoạt động của các cơ quan, đoàn thể trong phong trào thi đua “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới”. Vai trò của các Đoàn thể trong phong trào thi đua được phát huy, có phong trào, địa chỉ cụ thể.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt hơn, Ban chỉ đạo, BQL các cấp luôn luôn được kiện toàn.

- Tham mưu, lồng ghép, phân bổ các nguồn vốn, hướng dẫn kịp thời các chương trình MTQG vào chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017.

2. Những tồn tại, hạn chế:

- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành

+ Vẫn còn một số ban ngành và các xã triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới chưa quyết liệt, chưa xác định rõ trách nhiệm thực hiện các tiêu chí thuộc ngành mình phụ trách; thiếu sâu sát, nắm bắt kết quả thực hiện các tiêu chí ở cơ sở, công tác đôn đốc, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, kết quả chưa cao.

+ Một số ngành chưa xây dựng chương trình thực hiện các tiêu chí thuộc ngành mình phụ trách, lộ trình bước đi cụ thể cho từng năm và cả giai đoạn.

+ Việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo của các phòng ban, ngành, các xã định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm còn chậm, thậm chí một số xã không báo cáo.

- Về công tác tuyên truyền ở cơ sở còn mang tính hình thức, không thường xuyên, tác dụng và hiệu quả của việc nâng cao nhận thức còn thấp, nhất là nội dung, ý nghĩa, mục tiêu của chương trình.

- Các hoạt động hưởng ứng phong trào “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới” chỉ tập trung ở các xã phần đầu đạt chuẩn hàng năm, chưa thường xuyên, liên tục, chưa gắn liền tinh thần phong trào với các hoạt động thiết thực, cụ thể để đẩy nhanh tiến độ, chất lượng xây dựng nông thôn mới.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP NĂM 2018

1. Mục tiêu:

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 là 01 xã (Tân Thành), nâng tổng số xã đạt chuẩn của huyện là 05 xã (Tân Liên, Tân Long, Tân Hợp, Tân Lập, Tân Thành).

- Duy trì và nâng cao chất lượng của các xã đã được công nhận. (Tân Liên, Tân Long, Tân Hợp, Tân Lập).

- Phần đầu mỗi xã tăng 01-03 tiêu chí, bình quân đạt 12 tiêu chí/xã.

- Mỗi xã đạt chuẩn nông thôn mới xây dựng 01-02 thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn được cải thiện: tăng thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế tăng >92%.

2. Nhiệm vụ, giải pháp:

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới đến tận cơ sở và nhân dân bằng nhiều hình thức, trong đó chú trọng quán triệt Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 7 BCHTW Đảng khóa X về “nông nghiệp, nông dân và nông thôn”; Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025. Tiếp tục thực hiện phong trào “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới” rộng khắp trên địa bàn huyện, cả hệ thống chính trị vào cuộc trong phong trào thi đua

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2017

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Kết quả huy động năm 2017	Kế hoạch năm 2018
	TỔNG SỐ			
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	25.855,735	25.855,735	
1	Trái phiếu Chính phủ	3.224,735	3.224,735	
2	Đầu tư phát triển	19.740	19.740	
3	Sự nghiệp	2.891	2.891	
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.142,99	14.143	
1	Tỉnh	8.637	8.637	
2	Huyện	5.505,73	5.505,73	
3	Xã			
III	VỐN LÒNG GHÉP	25.194	25.194	
IV	VỐN TÍN DỤNG (*)			
V	VỐN DOANH NGHIỆP			
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ			
1	Tiền mặt			
2	Ngày công và hiện vật quy đổi	2.215	2.215	

(*): **Vốn tín dụng**: do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2017
ĐVT: triệu đồng

TT	CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2017	Kết quả thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	19.740	19.740		
1	Giao thông	18.065	18.065		
2	Thủy lợi	-	-		
3	Điện	-	-		
4	Trường học	564,00	564		
5	CSVC Văn hóa	282,00	282		
6	Cơ sở hạ tầng thương mại	-	-		
7	Trạm y tế xã	300,00	300		
8	Công trình cung cấp nước sạch	-	-		
9	Công trình xử lý môi trường	-	-		
10	Khác	-	-		
11	Trụ sở UBND xã	529,404	529,404		
12	Duy tu bảo dưỡng				

[illegible]

Kết quả huy động và thực hiện năm 2017													Kế hoạch năm 2018							
TT	Nội dung đầu tư	Thành tiền													Dự kiến 2016- 2020	Thành tiền				
		Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp					Lồng ghép	Tin dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Khối lượng	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp				Lồng ghép		
			Tổng số	Ngân sách Trung ương			NSDP							Tổng số		Vốn đầu tư trực tiếp				
				TPCP	ĐTPT	SN										TPCP	ĐTPT		SN	
7	Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Hỗ trợ phát triển HTX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Phát triển ngành nghề nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Đào tạo nghề phi nông nghiệp	33,00	33,00	-	-	33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Đào tạo nghề nông nghiệp	337,00	337,00	-	-	337	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Phát triển giao dịch ở nông thôn	450,00	450,00	-	-	450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Vệ sinh môi trường nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16	Đào tạo cho công chức xã	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	Giữ vững quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư	1.300,00	300,00	-	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Nội dung khác (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trụ sở UBND Xã	619,53	619,53	5.389	529,404	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hỗ trợ PT SX	6.542,00	750,00	-	-	750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hỗ trợ xã đạt chuẩn	30,00	30,00	-	-	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cấp bù lãi suất	-	603	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng				19.740,40	2891	14.142,99	25.194												2.215

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI

TT	MỤC TIÊU	Kết quả đến 31/12 của năm 2016	Dự kiến đạt đến cuối năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã	10,9	11,05	11,5	
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn	9,1	8,73	9	
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã				
	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có QĐ công nhận	3	3	5	Tân Long, Tân Hợp, Tân Liên
	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	1	0	Tân Lập
	Số xã đạt 17 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 16 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 15 tiêu chí	1	1	0	Tân Thành
	Số xã đạt 14 tiêu chí	0	0	1	
	Số xã đạt 13 tiêu chí	1	0	0	Thuận
	Số xã đạt 12 tiêu chí	0	1	2	Thuận
	Số xã đạt 11 tiêu chí	2	1	1	
	Số xã đạt 10 tiêu chí	5	1	6	
	Số xã đạt 09 tiêu chí	2	7	2	
	Số xã đạt 08 tiêu chí	2	2	3	Hướng Lập, Ba Tầng
	Số xã đạt 07 tiêu chí	3	1	0	Hướng Linh
	Số xã đạt 06 tiêu chí	1	2	0	Húc, A Dơi
	Số xã đạt 05 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 04 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 03 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 02 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 01 tiêu chí	0	0	0	
		20	20	20	
3	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí				
	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	20	20	20	
	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	5	6	8	
	Số xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi	16	18	20	

TT	MỤC TIÊU	Kết quả đến 31/12 của năm 2016	Dự kiến đạt đến cuối năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
	Số xã đạt tiêu chí số 4 về điện	18	19	20	
	Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học	4	5	7	
	Số xã đạt tiêu chí số 6 CSVN văn hóa	4	7	7	
	Số xã đạt tiêu chí số 7 về CSHTTMNT	18	20	20	
	Số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và TT	18	7	15	
	Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư	5	5	6	
	Số xã đạt tiêu chí số 10 thu nhập	5	5	5	
	Số xã đạt tiêu chí số 11 hộ nghèo	3	4	5	
	Số xã đạt tiêu chí số 12 Lao động có việc làm	16	17	20	
	Số xã đạt tiêu chí số 13 TCSX	6	5	7	
	Số xã đạt tiêu chí số 14 GD - ĐT	5	6	7	
	Số xã đạt tiêu chí số 15 Y tế	16	19	20	
	Số xã đạt tiêu chí số 16 Văn hóa	16	19	20	
	Số xã đạt tiêu chí số 17 Môi trường	6	5	7	
	Số xã đạt tiêu chí số 18 HTCT và TCPL	17	15	17	
	Số xã đạt tiêu chí số 19 về an ninh	20	20	20	

HIỆN TRẠNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2017

T	Xã	19 tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới																			Tổng số tiêu chí đạt năm 2017	Tổng số tiêu chí đạt năm 2016
		Quy hoạch	Giao thông	Thuỷ Lợi	Điện	Trường học	CSVC chất văn hóa	CSHT TMN T	TT VÀ TT	Nhà ở	Thu nhập	Hộ nghèo	LĐ có việc làm thường xuyên	Tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn Hoá	Môi trườn g	HTCT và TCPL	Quốc phòng và An Ninh		
		-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	-16	-17	-18	-19		
1	XÃ HƯỚNG LẬP	x		x	x			x								X	x	x				
2	XÃ HƯỚNG VIỆT	x	x	x	x			x	R				X			x	x	R	x			
3	XÃ HƯỚNG PHÙNG	x		X	x			x	R				x	x		x	X					
4	XÃ HƯỚNG LINH	x		x	x			x								X	x					
5	XÃ HƯỚNG SƠN	x		x	x		x	x	R							x	x		x			
6	XÃ HƯỚNG TÂN	x		x	x			x	R				x	R		x	x		x			
7	XÃ TÂN HỢP	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x		
8	XÃ HÚC	x						x	R				x			x			x			
9	XÃ TÂN LIÊN	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x	x		
10	XÃ TÂN LẬP	x	X	x	x	x	X	x	x	x	X		x		x	x	x	x	x	x		
11	XÃ TÂN LONG	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x		
12	XÃ TÂN THÀNH	x	X	X	x		x	X	x				x	x	X	x	x		x	x		
13	THUẬN	x	R	x	x			x	x	x			x	x		x	x		x	x		
14	HƯỚNG LỘC	x		x	x			x	R				x		x	x	x		x	x		
15	THANH	x		x	x			x	R				x			X	x		x	x		
16	A XING	x		x	x			x	R				x			x	x		x	x		
17	A TÚC	x		x	x		x	x	X				x			x	x		x	x		
18	XY	x		x	x			X	R				x			x	X		x	x		
19	A DƠI	x		x	x			x	R				x			x	x		R	x		
20	BA TÀNG	x			x			x	R				x				X		R	x		
	Tổng	20	6	18	19	5	7	20	7	5	5	4	17	5	6	19	19	5	15	20	221	
																					218	

Ghi chú: Tiêu chí đạt năm 2017: đánh dấu (x)
 Tiêu chí bị rút so với năm 2016: đánh dấu (R)
 Tiêu chí đạt năm 2017 tăng thêm so với năm 2016: đánh dấu (X)

